TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẦU GIẤY** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 05/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 12/01/2022
V/v: Tranh chấp
Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY- HÀ NỘI.

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Khanh
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Bùi Thị Minh Hoa
2. Ông Lưu Văn Thiệm

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh – Thư ký Toà án nhân dân quận Cầu Giấy.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy: Bà Nguyễn Thị Thảo - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu giấy.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Cầu Giấy xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 336 ngày 18/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 692 ngày 23 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 07 ngày 12 tháng 1 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Phương M, sinh năm: 1983

Bị đơn: Anh Bùi Duy T, sinh năm: 1987

Cùng ĐKHKTT: Số nhà 18A, ngách 18, Ngõ 233 đường X, tổ 19, phường D, quận C, Hà Nội

Hiện trú tại: chung cư H, ngõ 86, phố D, phường D, quận C, Hà Nội

Tại phiên tòa có mặt chị M, vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn và lời trình bày tại Toà án chị Lê Thị Phương M trình bày:

Về tình cảm: Chị Lê Thị Phương M và anh Bùi Duy T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/07/2012 tại Ủy ban nhân dân phường D, quận C, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do do bất

đồng quan điểm sống, không hợp nhau, có phát sinh tranh cãi thậm chí có dấu hiệu bạo hành tinh thần và thể chất, ảnh hưởng đến công việc và việc chăm sóc, nuôi dạy con cái. Chị M không còn thấy an toàn khi chung sống với chồng là anh Bùi Duy T. Trước đây anh Bùi Duy T có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữa khác nên chị M không còn sự tin tưởng ở anh T dẫn đến sự rạn nứt trong tình cảm. Chị M thấy bị tổn thương và không vượt qua được mặc dù đã cố gắng hàn gắn. Nếu duy trì cuộc sống gia đình, chị M thấy rất căng thẳng. Trong khoảng một năm nay, anh T không đóng góp tài chính để trang trải chi phí sinh hoạt, kinh tế gia đình khó khăn. Mặc dù sống chung một nhà nhưng rất ít trao đổi với nhau về mọi mặt trong đời sống. Chị M và các con đã chuyển về nhà mẹ đẻ để ở. Chị thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Duy T.

Về con chung: Chị Lê Thị Phương M và Bùi Duy T có 03 con chung là Bùi Mai H, sinh ngày 14/8/2008, Bùi Hữu Minh Đ, sinh ngày 23/11/2015, Bùi Thành A, sinh ngày 10/6/2020. Chị M đề nghị có nguyên vọng nuôi 2 con là Bùi Mai H và Bùi Thành A, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai và không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án anh Bùi Duy T trình bày:

Về tình cảm: Anh Bùi Duy T và chị Lê Thị Phương M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận C, Hà Nội ngày 20 tháng 7 năm 2012. Quá trình chung sống, anh Thành khai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, ức chế tâm lý do công việc nên xảy ra cáu gắt, cãi vã, công việc nhà cửa nhiều do phải chăm sóc 3 con nhỏ tại thời điểm dịch bệnh bùng phát nên phát sinh các xung đột nhỏ, bất đồng; con gái đầu lòng đang vào giai đoạn tuổi dậy thì, thay đổi tính cách nên 2 vợ chồng bất đồng trong việc nuôi dạy con; khó khăn kinh tế do anh T kinh doanh không thuận lợi vì dịch bệnh nên mất việc làm, vợ làm việc vất vả để thích ứng với tình hình mới. Hiện nay, anh Bùi Duy T và chị Lê Thị Phương M không sống chung một nhà, chị Lê Thị Phương M có đơn xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Bùi Duy T và Lê Thị Phương M có 03 con chung là Bùi Mai H, sinh ngày 14/8/2008, Bùi Hữu Minh Đ, sinh ngày 23/11/2015, Bùi Thành A, sinh ngày 10/6/2020.

Anh T mong các con được sống chung một nhà, lớn lên cùng nhau và không bị chia cách từ nhỏ. Nếu phải ly hôn, anh T đề nghị có nguyện vọng trực tiếp nuôi hai con là Bùi Hữu Minh Đ và Bùi Thành A, giao con chung Bùi Mai H cho chị Mai trực tiếp nuôi dưỡng. anh T không yêu cầu chị Mai cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai và không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị M, anh T tại Ban quản lý Tòa nhà H, số 86 phố D, quận C, Hà Nội – nơi chị M, anh T đã cư trú thì được trưởng Ban quản lý tòa nhà phản ánh: chị Lê Thị Phương M và anh Bùi Duy T có cư trú tại căn hộ 1505, tòa B, chung cư H, Ban quản lý Tòa nhà không nắm rõ mâu thuẫn vợ chồng của chị M và anh T nhưng có được nghe chị M trình bày quá trình chung sống vợ chồng chị M, anh T có xảy ra mâu thuẫn. Chủ sở hữu căn hộ nêu trên là bà Nguyễn Thị N, mẹ đẻ anh T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng hai bên không đoàn tụ được. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Anh T đã được Tòa án yêu cầu cung cấp chứng cứ về nơi ở và thu nhập nhưng không cung cấp. Chị M hiện là giảng viên thu nhập khoảng 29.000.000 (Hai mươi chín triệu) đồng/ tháng.

Mẹ đẻ của chị M là bà Nguyễn Anh Y đồng ý cho chị Mai và các con ở tại căn hộ A512, khu HD MON, phường M, quận N, Hà Nội thuộc sở hữu của bà nếu chị M được Tòa án giải quyết cho trực tiếp nuôi con.

Tại phiên toà, chị M giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh T và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con là Bùi Mai H và Bùi Thành A. Chị M trình bày mâu thuẫn giữa chị M và anh T từ năm 2015, chị M không còn tin tưởng anh T do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, năm 2019 anh T đánh chị M. Tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn. Anh T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy phát biểu quan điểm về thực hiện quyền giám sát pháp luật: Căn cứ vào điều 21 của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, các điều 21, 262 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình khởi kiện, thụ lý hồ sơ và giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật về trình tự thủ tục giải quyết vụ án hôn nhân gia đình, đảm bảo được tính khách quan, công minh và tạo điều kiện cho các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã chấp hành các quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Phương M cho chị M được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao hai con chung cháu Bùi Mai H và

cháu Bùi Thành A cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Bùi Hữu Minh Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị M và anh T. Về tài sản chung và các khoản nợ, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét những tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Lê Thị Phương M nộp đơn khởi kiện xin ly hôn anh Bùi Duy T có hộ khẩu thường trú tại Số nhà 18A, ngách 18, Ngõ 233 đường X, tổ 19, phường D, quận C, Hà Nội. Hiện trú tại Phòng 1505, chung cư H, ngõ 86 phố D1, phường D2, quận C, Hà Nội. Quan hệ pháp luật của vụ án là Ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ Luật Tố Tụng dân sự. Toà án nhân dân quận Cầu Giấy đã thụ lý giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền theo lãnh thổ và loại việc được quy định tại khoản điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về việc vắng mặt của bị đơn: Bị đơn anh Bùi Duy T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã có lời khai, đã tham gia hòa giải và được giao các văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng vẫn vắng mặt nên theo quy định tại khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

3.1 Về tình cảm: chị Lê Thị Phương M và anh Bùi Duy T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị M cho rằng anh T không có trách nhiệm với gia đình. Chị M đã trao đổi để anh T thay đổi lối sống nhưng anh T không thay đổi, không cải thiện được tình cảm vợ chồng. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh T lạnh nhạt, anh T không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được phương án để đoàn tụ vợ chồng. Anh T cũng thừa nhận có mâu thuẫn vợ chồng. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị M là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên áp dụng khoản 1 điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2015, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Phương M cho chị M được ly hôn với anh Bùi Duy T.

3.2 Về con chung: chị Lê Thị Phương M và anh Bùi Duy T có 03 con chung là Bùi Mai H, sinh ngày 14/8/2008, Bùi Hữu Minh Đ, sinh ngày 23/11/2015, Bùi Thành A, sinh ngày 10/6/2020. Chị M có nguyện vọng nuôi 2 con là Bùi Mai H và Bùi Thành A. Xét thấy, con gái Bùi Mai H là con gái, có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. con Bùi Thành A đang còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ. nên cần

chấp nhận yêu cầu của chị M. Giao con Bùi Mai H và Bùi Thành A cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con Bùi Mai H, Bùi Thành A đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị M hiện đang ở tại nhà mẹ đẻ tại căn hộ số A512 khu HD MON, phường M, quận N, Hà Nội. Anh T có nguyện vọng nuôi 2 con là Bùi Hữu Minh Đ và Bùi Thành A không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh về thu nhập, anh T khai về nơi ở vẫn ở nhà thuộc sở hữu của bố mẹ đẻ anh T. Do vậy, giao con là Bùi Hữu Minh Đ cho anh Bùi Duy T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Bùi Duy T và chị Lê Thị Phương M cho đến khi có yêu cầu mới. Hai bên tự lo chỗ ở sau khi ly hôn.

3.3. Về tài sản chung và nợ: Hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa không xét.

Chị Lê Thị Phương M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Phương M. Cho chị Lê Thị Phương M được ly hôn với anh Bùi Duy T.

2/ Về con chung: chị Lê Thị Phương M và anh Bùi Duy T có 03 con chung là: Bùi Mai H, sinh ngày 14/8/2008, Bùi Hữu Minh Đ, sinh ngày 23/11/2015, Bùi Thành A, sinh ngày 10/6/2020. Giao cháu Bùi Mai H và Bùi Thành A cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Giao cháu Bùi Hữu Minh Đ cho anh Thành trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Lê Thị Phương M và anh Bùi Duy T cho đến khi có yêu cầu mới.

3/ Về tài sản chung và nợ: Chị M, anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

4/ Về án phí: chị Lê Thị Phương M nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 17856 ngày 12 tháng 10 năm 2021 tại chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy. Chị Lê Thị Phương M đã nộp đủ số tiền này.

Chị Lê Thị Phương M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Bùi Duy T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận bản án:

- *Các đương sự*
- *VKSND quận Cầu Giấy + HN*
- *TAND TP Hà Nội.*
- *Cơ quan Thi hành án quận Cầu Giấy*
- *Lưu văn phòng TAND quận Cầu Giấy*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Khanh